TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/DS-ST
Ngày: 22/3/2018.
V/v "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Phan Đình Ngân.

***- Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Lê Hồng Xuân.
2. Ông Lê Văn Lý.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2017/TLST-DS ngày 22/12/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Hồ T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện TH, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện TH, tỉnh Long An.

(Ông T có mặt, ông C và bà K vắng mặt không lý do đã được triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hồ T: Vào ngày 15/5/2017 ông T có cho vợ chồng ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K vay số tiền 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng) để làm kinh tế gia đình, thời hạn vay là một tháng sẽ trả, lãi suất 3%/tháng. Khi vay hai bên có làm giấy vay tiền viết tay, ông Dương Hồ T xác định ông cho vợ chồng ông C và bà K vay nhưng khi giao dịch và làm

giấy vay tiền do ông C là trụ cột trong gia đình nên chỉ mình ông C giao dịch và ký tên trong giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ ông C và bà K không trả nợ gốc và lãi cho ông theo đúng thỏa thuận, ông T đã nhiều lần yêu cầu ông C và bà K trả nợ, thế nhưng ông C và bà K không trả mà hẹn lần hẹn lượt, sau đó cả hai vợ chồng ông C và bà K bỏ đi khỏi nơi cư trú để né tránh nghĩa vụ trả nợ mà không thông báo cho ông địa chỉ nơi cư trú, làm việc mới, ông T liên lạc với ông C qua điện thoại thì ông C không nghe máy. Sau khi vay tiền của ông T được chừng khoảng 03 tháng do đến hạn trả nợ mà không trả, nên ông T yêu cầu trả thì vợ chồng ông C và bà K bỏ đi khỏi nơi cư trú. Mặc dù, ông C và bà K bỏ đi để nhằm mục đích cố tình không trả nợ cho ông T, tuy nhiên ông T vẫn thấy ông C và bà K thỉnh thoảng về nhà vào ban đêm rồi sau đó bỏ đi để né tránh việc ông T đòi nợ.

Nay ông T yêu cầu ông C và bà K trả cho ông T số tiền 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả của số tiền này từ ngày 15/5/2017 đến ngày 15/11/2017 thời gian tính lãi là 06 tháng, mức lãi suất trước đây theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu 3%/tháng, tại phiên tòa ông T yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; từ ngày 16/11/2017 đến ngày 22/3/2018 ông T không yêu cầu tính lãi. Ông T yêu cầu ông C và bà K trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của bị đơn ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông C và bà K không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không đến Tòa theo lịch triệu tập giải quyết nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông C và bà K đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Chứng cứ do nguyên đơn ông Dương Hồ T cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 25/11/2017; Giấy viết tay thể hiện ông C vay tiền của ông T (bản chính); Đơn đề nghị xác nhận ngày 28/11/2017.

* Chứng cứ do bị đơn ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K cung cấp: Không có.

* Chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

- Tại Phiên tòa ông T không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ đã cung cấp khi nộp đơn khởi kiện.

Các tình tiết của vụ án:

Ông Dương Hồ T cho ông C và bà K vay số tiền là 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng), mục đích vay để làm kinh tế gia đình, lãi suất 3%/tháng, thời gian vay là một tháng từ ngày 15/5/2017 đến ngày 15/6/2017, khi vay hai bên có làm giấy vay tiền viết tay. Ông Dương Hồ T xác định ông cho vợ chồng ông C và bà K vay nhưng khi giao dịch và làm giấy vay tiền do ông C là trụ cột trong gia đình nên chỉ mình ông C giao dịch và ký tên trong giấy vay tiền.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do sau khi vay ông C và bà K đã vi phạm hợp đồng vay, khi đến hạn trả nợ mặc dù bà ông T đã nhiều lần yêu cầu ông C và bà K trả nợ nhưng ông C và bà K không trả, sau đó đi khỏi địa phương mà không báo cho ông T biết địa chỉ nơi cư trú, làm việc mới để né tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tòa án sau khi thụ lý vụ án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T cùng ông C và bà K tự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án, tuy nhiên do ông C và bà K vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự, bị đơn ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K có hộ khẩu thường trú tại Ấp 1, xã T, huyện TH, tỉnh Long An, theo xác nhận ngày 28/11/2017 thì tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Trần Văn C và bà Trần Thị Thu K không có mặt tại nơi cư trú. Việc ông C và bà K bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo với nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, việc ông C và bà K không thông báo cho nguyên đơn địa chỉ nơi cư trú, làm việc mới được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định. Căn cứ quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa.

[2] Về tố tụng: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định khoản 5 Điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà K.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hồ T:

Ông Dương Hồ T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền gốc phát sinh từ hợp đồng vay là 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 15/5/2017 đến ngày 15/11/2017 thời gian tính lãi là 06 tháng, mức lãi suất trước đây theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu 3%/tháng, tại phiên tòa ông T yêu cầu tính lãi trong hạn và quá hạn theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông T cung cấp giấy biên nhận vay tiền ngày 15/5/2017 do ông C ký tên người vay nợ. Qua giấy vay này kết hợp với lời khai cùng với lời khai của ông T thấy rằng việc ông T có cho vợ chồng ông C vay 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng) là có thật.

Về hình thức hợp đồng vay: Hai bên thỏa thuận bằng lời nói thời gian trả nợ là một tháng (từ ngày 15/5/2017 đến ngày 15/6/2017), lãi suất vay 3%/tháng nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Do khi đến hạn trả nợ vay nhưng ông C và bà K không trả cho ông T là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T, do đó bà ông T khởi kiện đòi lại tài sản cho vay để bảo vệ quyền lợi cho mình là phù theo quy định tại Điều 11 Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất: Khi vay giữa ông T với ông C và bà K thỏa thuận 3%/tháng là vượt quá mức lãi suất được cho phép được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa ông T chỉ yêu cầu tính lãi với thời gian là 06 tháng từ ngày cho vay 15/5/2017 đến ngày 15/11/2017, với mức lãi suất được quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự, ông T không yêu cầu tính lãi từ ngày 16/11/2017 cho đến ngày 22/3/2018. Thấy rằng yêu cầu tính lãi của ông T là có lợi cho ông C và bà K và phù hợp pháp luật dân sự nên được chấp nhận.

Tiền lãi của ông T được chấp nhận và được tính như sau:

- Lãi trong hạn là: [01 tháng (từ ngày 15/5/2017 đến ngày 15/6/2017) x 51.000.000 đ x 20% / 12 tháng] = 850.000 đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là: [05 tháng (từ ngày 16/6/2017 đến ngày 15/11/2017) x 51.000.000đ x 20% x 150% /12 tháng] = 6.375.000 đ (sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Cộng tiền lãi là: 850.000 đ + 6.375.000 đ = 7.225.000 đ (bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Đối với ông C và bà K đã được triệu tập hợp lệ, nhung vẫn vắng mặt không có lý do là tự từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của mình, đồng thời cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nên căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của T là đúng và không cần phải chứng minh.

Mặc dù theo hợp đồng vay tiền viết tay ngày 15/5/2017 chỉ do một mình ông C đứng tên giao dịch với ông T, tuy nhiên do mục đích vay là để làm kinh tế gia đình và theo ông Dương Hồ T khẳng định ông cho vợ chồng ông C và bà K vay nhưng khi giao dịch và làm giấy vay tiền do ông C là trụ cột trong gia đình nên chỉ mình ông C giao dịch và ký tên trong giấy vay tiền, mặt khác do ông C và bà K là vợ chồng nên căn cứ vào Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để buộc ông C và bà K có trách nhiệm liên đới và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng để trả nợ cho ông T.

Từ những phân tích, đánh giá nói trên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hồ T tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K là có căn cứ và được chấp nhận. Buộc vợ chồng ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K có nghĩa vụ trả cho ông T số gốc đã vay và số tiền lãi phát sinh từ hợp đồng vay theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của ông Dương Hồ T được chấp nhận, ông T không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 11, 463, 466, 468, 470, khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 20 Luật phí, lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Hồ T đối với ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K có nghĩa vụ trả cho ông Dương Hồ T số tiền gốc 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng), tiền lãi là 7.225.000đ (bảy triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Cộng cả gốc và lãi là 58.225.000đ (năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, nếu người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K phải chịu 2.911.000đ (hai triệu chín trăm mười một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước (chưa nộp). Ông Dương Hồ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0003870 ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn ông Dương Hồ T có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị Thu K vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Thạnh Hóa;*
- *THADS huyện Thạnh Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Đình Ngân